

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao với tuyến tránh Rạch Giá đến cầu Ba Hòn).

2. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

3. Nguồn vốn:

+ Ngân sách địa phương (theo Quyết định 2222/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, Quyết định 1084/QĐ-UBND ngày 11 tháng 04 năm 2025 về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2024 sang 2025);

+ Khả năng cân đối vốn: Cân đối nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và bố trí tiếp sang giai đoạn 2026-2030;

4. Thời gian thực hiện: 2025-2028.

5. Nhóm dự án: dự án nhóm B.

6. Loại, cấp công trình: công trình giao thông, cấp II.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Rạch Giá; phường Vĩnh Thông, xã Sơn Kiên, xã Mỹ Thuận, xã Hòn Đất, xã Bình Giang, xã Bình Sơn, xã Hòa Điền và xã Kiên Lương, tỉnh An Giang.

8. Thông tin gói thầu:

ST T	Tên gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện HĐ
01	Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát, lập BCNCKT dự án	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 02 túi hồ sơ	Quý IV năm 2025	Trọn gói	90 ngày

Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu: Lựa chọn tư vấn đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm để thực hiện các nội dung tư vấn Thực hiện khảo sát địa hình, địa chất, kiểm định cầu cũ, lập BCNCKT dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà thầu tư vấn cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu này phải đạt các yêu cầu sau:

- Có chức năng cung cấp dịch vụ tư vấn, có đăng ký kinh doanh với ngành nghề đăng ký phù hợp với yêu cầu công việc của gói thầu.

- Có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm thay mặt cho Chủ đầu tư thực hiện công việc như nội dung yêu cầu của gói thầu theo đúng yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ được duyệt cũng như các yêu cầu xử lý kỹ thuật theo tiêu chuẩn, qui phạm, qui định hiện hành và các văn bản có liên quan.

- Đề xuất tài chính phù hợp với các điều kiện tài chính của gói thầu, nhà thầu phải có bản khối lượng công việc thực hiện và đơn giá chi tiết khi được mời vào thương thảo hợp đồng.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu:

1.1 Khảo sát, thu thập số liệu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

Phạm vi khảo sát: Điểm đầu Km123+700 (nút giao tuyến tránh - phường Rạch Giá), điểm cuối Km188+700 (đường vào cầu Ba Hòn - xã Kiên Lương). Tổng chiều dài tuyến khoảng 65.000m (65km).

Thành phần, khối lượng công tác khảo sát:

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Vùng II	Vùng IV	Vùng III	Cộng	Ghi chú
	Tổng chiều dài	km	8,31	39,17	17,49	64,97	
	Số lượng cầu	cầu	5,00	15,00	4,00	24	
-	Phạm vi đo vẽ phần tuyến (trừ cầu, nút giao)	km	8,23	38,18	17,24	63,65	
-	Phạm vi đo vẽ phần cầu trên cạn	km	0,08	0,99	0,25	1,32	(Trừ cầu Sóc Xoài)
-	Phạm vi đo vẽ phần cầu dưới nước	km		0,16	0,09	0,25	Kênh Vàm Răng 63m; kênh Tri Tôn 23m; kênh Linh Huỳnh 70m; kênh Lung Lớn 92m
-	Phạm vi đo vẽ nút	km	0,2	0,4	0,2	0,8	Nút giao Tuyến tránh Rạch Giá; đường tỉnh ĐT.969B (2điểm); đường tỉnh ĐT.969; đường tỉnh ĐT.970; đường tỉnh ĐT.971(Ba Hòn)
	Mức cao độ hạng III	mốc	1			1	

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Vùng II	Vùng IV	Vùng III	Cộng	Ghi chú
	Mốc mặt bằng hạng III	mốc	1		1	2	
A	CÔNG TÁC KHẢO SÁT						
1	Công tác điều tra, thu thập các tài liệu và làm việc với cơ quan chức năng		24	117	51	192	Căn cứ Mục 7.1.1 TCCS 31-2020
-	Điều tra, thu thập tài liệu phục vụ lập dự toán (kỹ sư 3/8)	<i>công</i>	8	39	17	64	1 công /Km
-	Điều tra, thu thập các quy hoạch và dự án liên quan (kỹ sư 3/8)	<i>công</i>	8	39	17	64	1 công /Km
-	Làm việc, thỏa thuận với cơ quan chức năng	<i>công</i>	8	39	17	64	1 công /Km
2	Khảo sát địa hình						
2.1	Lập lưới khống chế mặt bằng vào độ cao						Căn cứ Mục 4.7 TCCS 31-2020
-	Lưới khống chế mặt bằng hạng IV (địa hình cấp II)	điểm	4	13	7	24	3km/điểm (điểm khống chế đầu, cuối tuyến)
-	Lưới độ cao hạng IV (địa hình cấp III)	km	5			5	dẫn mốc 5km/mốc hạng III
-	Lưới độ cao kỹ thuật (địa hình cấp III)	km	8,31	39,17	17,49	64,97	Theo tuyến
2.2	Bình đồ						Căn cứ Mục 8.1.2 TCCS 31-2020
-	Đo vẽ bình đồ nút giao tỷ lệ 1/1000 trên cạn (địa hình cấp III, đường đồng mức 1m)	<i>ha</i>	2	4	2	8	Tim ra mỗi bên 50m. Dọc nhánh 100m
-	Đo vẽ bình đồ cầu tỷ lệ 1/1000 trên cạn (địa hình cấp III, đường đồng mức 1m)	<i>ha</i>	0,24	8,57	0,75	9,56	Tim ra mỗi bên 15m, bổ sung 4 cầu làm mới trên bờ rộng 35m so với đường, dọc tuyến mỗi hướng 100m

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Vùng II	Vùng IV	Vùng III	Cộng	Ghi chú
-	Đo vẽ bình đồ cầu tỷ lệ 1/1000 dưới nước (địa hình cấp I, đường đồng mức 1m)	ha		1,6	0,9	2,5	Tim ra mỗi bên 50m
-	Đo vẽ bình đồ tuyến tỷ lệ 1/2000 trên cạn (địa hình cấp III, đường đồng mức 1m)	ha	24,69	114,53	51,72	190,94	Tim ra mỗi bên 15m. Trừ cầu, nút giao
2.3	Cắt dọc						Mục 9.1.1.3 TCCS 31-2020
-	Đo vẽ mặt cắt dọc nhánh nút 1/1.000,1/100, địa hình cấp III	100m	2,00	4,00	2,00	8,00	
-	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến 1/1.000,1/100, địa hình cấp III trên cạn	100m	83,10	391,70	174,90	649,70	Theo chiều dài tuyến
-	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến 1/1.000,1/100, địa hình cấp III dưới nước	100m		4,80	2,70	7,50	Đo 3 mặt cắt cho 1 cầu làm mới
2.4	Cắt ngang						Mục 7.1.2.7. TCCS 31-2020
-	Đo vẽ mặt cắt ngang nhánh nút giao 1/200 địa hình cấp III	100m	2,50	10,00	5,00	17,50	Mỗi nhánh 5 mặt cắt, Tim ra mỗi bên 50m
-	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến 1/200 địa hình cấp III	100m	63,60	291,600	131,100	486,3	Tim ra mỗi bên 15m
3	Điều tra, khảo sát công trình hạ tầng	công	33	157	70	260	4 công /Km
4	Điều tra, khảo sát, tính toán thủy văn						
4.1	Mua số liệu trạm khí tượng hải văn		1	3	2	6	Mục 7.2.1 TCCS 31-2020
4.2	Điều tra thủy văn dọc tuyến	cụm	2	5	3	10	Mục 7.2.5.1. TCCS 31-2020
4.3	Điều tra thủy văn cầu	cụm		4		4	Mục 7.2.5.2. TCCS 31-2020
5	Khảo sát địa chất công trình						
5.1	Cầu	Cầu		3	1	4	Thu thập số liệu

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Vùng II	Vùng IV	Vùng III	Cộng	Ghi chú
	Số lượng lỗ khoan	lỗ		5	2	7	Mục 8.3.6 TCCS 31-2020 (Cầu Vàm Răng, cầu Luỹnh Huỳnh, cầu Lung Lớn) khoan 2 hố, cầu Tri Tôn khoan 1 hố)
	Tổng chiều dài lỗ khoan trên cạn Cấp đất đá I-III (<60m)	m		200	80	280	Mỗi hố khoan dự kiến 40m
	Số mẫu lấy (2m/ mẫu)	m		100	40	140	
	Số mẫu làm thí nghiệm (70%)	m		70	28	98	
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	điểm		100	40	140	
	Thí nghiệm cắt cánh VST	điểm		15	6	21	Dự kiến mỗi hố khoan 3 mẫu đất yếu
	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng (dự kiến 40%)	mẫu		28	11	39	
	Thí nghiệm mẫu nguyên dạng (dự kiến 60%)	mẫu		42	17	59	
	Thí nghiệm nén cố kết Cv	mẫu		5	2	7	Mỗi lỗ khoan 1 mẫu ở lớp đất yếu
	Thí nghiệm nén 3 trục CU	mẫu		5	2	7	Mỗi lỗ khoan 1 mẫu ở lớp đất yếu
	Thí nghiệm mẫu nước	mẫu		3	1	4	Mỗi cầu 1 mẫu
5.2	Nền đường thông thường						
-	Số lỗ khoan	lỗ	9	27	14	50	Mục 8.3.2.1 TCCS 31-2020
	Khoan trên cạn trên nền thiên nhiên L=7m Cấp đất đá I-III	m	63	189	98	350	
	Số mẫu lấy (2m/ mẫu)	mẫu	32	95	49	176	
	Số mẫu làm thí nghiệm (100%)	mẫu	32	95	49	176	
-	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	điểm	32	95	49	176	
	Thí nghiệm cắt cánh VST	điểm	9	27	14	50	Dự kiến mỗi hố khoan 1 mẫu đất yếu

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Vùng II	Vùng IV	Vùng III	Cộng	Ghi chú
-	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng (dự kiến 50%)	mẫu	16	48	25	89	mẫu không nguyên dạng 50%
-	Thí nghiệm mẫu nguyên dạng	mẫu	16	47	24	87	mẫu nguyên dạng 50%
	Thí nghiệm nén cố kết Cv	mẫu	9	27	14	50	Mỗi lỗ khoan 1 mẫu ở lớp đất yếu
	Thí nghiệm nén 3 trục CU	mẫu	9	27	14	50	Mỗi lỗ khoan 1 mẫu ở lớp đất yếu
5.3	Thí nghiệm đất đào nền để tận dụng		9	27	14	50	Thí nghiệm mẫu ở lỗ khoan đường
-	Hàm lượng hữu cơ	mẫu	9	27	14	50	Mỗi lỗ 1 mẫu
-	Đảm nén proctor tiêu chuẩn (K=0,95 ; K=0,98)	mẫu	18	54	28	100	Mỗi lỗ 1 mẫu * 2 loại
-	Chế bị mẫu ở độ chặt K=0,95 ; K=0,98	mẫu	9	27	14	50	0,5 công/mẫu
-	Thí nghiệm nén 1 trục nở hông (K=0,95 ; K=0,98)	mẫu	18	54	28	100	Mỗi lỗ 1 mẫu * 2 loại
-	Chỉ số CBR trong phòng (K=0,95 ; K=0,98)	mẫu	18	54	28	100	Mỗi lỗ 1 mẫu * 2 loại
6	Khảo sát công trình hiện hữu						
	Khảo sát mặt đường cũ						Mục 10.1.3.2 TCCS 31-2020
-	Đào hố 0.5x1.0x1.0 (m)	hố	5	15	4	24	
-	Đo benkelman	điểm	19	84	30	133	Mục 5.1.3.1 TCVN 8867:2011
-	Đăng ký công trình cầu	công	25	75	20	120	5 công /1 nhịp cầu Mục 10.1.4.1 TCCS 31-2020
-	Đăng ký công trình rãnh thoát nước dọc	công	29,9	68,5	2,8	101,2	1 công/200m rãnh
-	Đăng ký công trình an toàn giao thông	công	4,1	19,1	8,6	31,8	1 công/2000m đường

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Vùng II	Vùng IV	Vùng III	Cộng	Ghi chú
-	Đăng ký công trình công ngang	công	4,1	19,1	8,6	31,8	1 công/2000m đường
7	Khảo sát điều tra và thỏa thuận bãi đổ vật liệu thừa	Bãi		3	1	4	
	Khảo sát đường giao thông	công		15	5	20	5công/ bãi
	Làm việc với thỏa thuận với cơ quan chính quyền địa phương	công		36	12	48	12công/ bãi
-	Ca xe oto	ca		6	2	8	2 ca/ bãi

Ghi chú: khối lượng khảo sát nêu trên là khối lượng sơ bộ, được dự tính để lập dự toán khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, làm căn cứ để xác định giá gói thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trong quá trình dự thầu Nhà thầu có thể đề xuất khối lượng tăng/ giảm trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc: khối lượng khảo sát phù hợp với khối lượng mời thầu, số liệu, kết quả khảo sát đáp ứng yêu cầu của quy định của tiêu chuẩn áp dụng, đủ căn cứ để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi với giá dự thầu cạnh tranh nhất.

1.2 Nhiệm vụ kiểm định cầu cũ:

Kiểm định đại diện một số cầu có kết cấu tương tự như:

+ Cầu số 2, cầu Thần Nông, cầu số 3, cầu Tà Hem, cầu Sóc Xoài (nằm trong dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ giai đoạn 2), cầu Tà Lúa: kiểm định đại diện cầu số 3 (Km129+903);

+ Cầu Vàm Răng, cầu Tri Tôn, cầu Linh Huỳnh, cầu T6, cầu T5, cầu Lung Lớn, cầu Cái Tre, cầu Công Tre, cầu An Bình: kiểm định đại diện 04 cầu bao gồm Vàm Răng (Km138+145), cầu Tri Tôn (Km147+335), cầu Lung Lớn (Km175+143), cầu An Bình (Km184+535).

+ Cầu Kiên Bình, cầu kênh 9, cầu 283, cầu 286, cầu Bình Giang 2, cầu Bình Giang 1: kiểm định đại diện 02 cầu bao gồm cầu kênh 9 (Km143+943), cầu 283 (Km154+148).

Khối lượng sơ bộ

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Vùng II	Vùng IV	Vùng III	Cộng
1	Xác định cường độ BT bằng siêu âm & súng bật nảy	cầu kiện	8	64	8	80
2	Xác định chiều dày lớp BT bảo vệ bằng siêu âm	cầu kiện	8	64	8	80
3	Xác định đường kính và số lượng cốt thép bằng siêu âm	cầu kiện	8	64	8	80

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Vùng II	Vùng IV	Vùng III	Cộng
4	Vẽ sơ đồ quy định vị trí điều động tải trọng đo	m2	29,79	393,09	29,79	452,672
5	Xác định độ võng tĩnh của dầm (12điểm/nhịp, nhịp giản đơn)	điểm	30	174	30	234
6	Xác định độ võng do hoạt tải đặt tĩnh của dầm	điểm	10	58	10	78
7	Đo ứng suất của dầm (12điểm/mặt cắt, nhịp giản đơn)	điểm	30	174	30	234
8	Đo ứng suất của bản mặt cầu (2điểm/mặt cắt, nhịp giản đơn)	điểm	3	24	3	30
9	Đo dao động kết cấu nhịp cầu (nhịp giản đơn)	điểm	1	10	1	12
10	Đo lún móng trụ cầu	Điểm	4	32	4	40
11	Đo dao động và chuyển vị móng trụ cầu (nhịp giản đơn)	điểm	2	16	2	20
12	Tải trọng thử phục vụ thử tải cầu (xe 24-28 tấn)	ca	6	24	6	36
13	Lắp đặt đà giáo phục vụ công tác khảo sát, kiểm định	tấn	0,35	3,46	0,35	4,16
14	Tháo dỡ đà giáo phục vụ công tác khảo sát, kiểm định	tấn	0,35	3,46	0,35	4,16

1.3 Nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi

- Báo cáo NCTKT trình bày được các nội dung nghiên cứu sơ bộ về sự cần thiết, tính khả thi và tính hiệu quả của việc đầu tư xây dựng, làm cơ sở quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng, đáp ứng các yêu cầu lập nhiệm vụ nghiên cứu khả thi và tuân thủ Điều 54 Luật Xây dựng và Điều 14 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Thiết kế cơ sở được lập để đạt được mục tiêu của dự án, phù hợp với công trình xây dựng thuộc dự án, bảo đảm sự đồng bộ giữa các công trình khi đưa vào khai thác, sử dụng. Thiết kế cơ sở gồm thuyết minh và các bản vẽ thể hiện các nội dung sau:

- + Vị trí xây dựng, hướng tuyến công trình, danh mục và quy mô, loại, cấp công trình thuộc tổng mặt bằng xây dựng;
- + Phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn (nếu có);
- + Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của công trình xây dựng;

+ Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng, ước tính chi phí xây dựng cho từng công trình;

+ Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình, giải pháp phòng, chống cháy, nổ;

+ Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng và kết quả khảo sát xây dựng để lập thiết kế cơ sở;

Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án:

- Sự cần thiết và chủ trương đầu tư, mục tiêu đầu tư xây dựng, địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất, quy mô công suất và hình thức đầu tư xây dựng;

- Khả năng bảo đảm các yếu tố để thực hiện dự án như sử dụng tài nguyên, lựa chọn công nghệ thiết bị, sử dụng lao động, hạ tầng kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, yêu cầu trong khai thác sử dụng, thời gian thực hiện, phương án giải phóng mặt bằng xây dựng, tái định cư (nếu có), giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án, vận hành, sử dụng công trình và bảo vệ môi trường;

- Đánh giá tác động của dự án liên quan đến việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tái định cư; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, an toàn trong xây dựng, phòng, chống cháy, nổ và các nội dung cần thiết khác;

- Tổng mức đầu tư và huy động vốn, phân tích tài chính, rủi ro, chi phí khai thác sử dụng công trình, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; kiến nghị cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án;

- Việc lập tổng mức đầu tư của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Quy mô đầu tư:

• Phần đường:

- Tổng chiều dài khoảng 63,65Km (không tính các cầu).

- Cấp đường thiết kế:

+ Đoạn tuyến qua các đô thị: Đường phố (tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị TCVN 13952:2022).

+ Đoạn tuyến ngoài đô thị: Đường cấp III đồng bằng (tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054:2005).

- Mặt cắt ngang: Đảm bảo quy mô tối thiểu 02 làn xe, bề rộng nền đường tối thiểu 13,5m, bề rộng mặt đường tối thiểu 11m.

- Kết cấu mặt đường cấp cao A1 (bê tông nhựa nóng).

• Phần cầu:

- Đề xuất giữ nguyên hiện trạng cầu Vàm Rầy, xây dựng mới thay thế 05 cầu yếu gồm các cầu: Sóc Xoài, Vàm Răng, Tri Tôn, Linh Huỳnh, Lung Lớn, mở rộng kích thước các cầu còn lại trên tuyến.

- Cầu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DUỖ.

- Tải trọng thiết kế: HL93, người đi 0,003MPa.

- Mặt cắt ngang: Chiều rộng mặt cầu: 12,0m, phần xe ô tô 2 làn xe: $2 \times 3.50\text{m} = 7.00\text{m}$, dải lan can và bộ hành 2 bên: $2 \times 2.50\text{m} = 5.00\text{m}$.

Nút giao: Cải tạo các nút giao đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, vuốt nối êm thuận vào các đường nhánh.

Hệ thống thoát nước: Xây dựng mới và cải tạo hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đảm bảo thoát nước nền đường.

Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV : Tính theo thời gian hợp đồng có hiệu lực (90 ngày)

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Các báo cáo phải nộp và tiến độ nộp báo cáo.

SẢN PHẨM GIAO NỘP

1. Yêu cầu chung

- Hồ sơ được giao nộp theo cả 2 dạng: Hồ sơ giấy và tập tin máy tính ở định dạng gốc (word, excel, autocad...) và định dạng pdf, ngoại trừ các tài liệu ngoại nghiệp bằng bản giấy như sổ đo đạc, nhật ký công tác hiện trường.

- Số lượng hồ sơ giao nộp: Mỗi loại gồm 10 bộ.

2. Hồ sơ giao nộp

Bao gồm nhưng không hạn chế các loại hồ sơ, tài liệu sau:

- Phương án kỹ thuật khảo sát, lập BCNCKT phải đạt được sự chấp thuận của Chủ đầu tư và Cấp có thẩm quyền liên quan trước khi triển khai công tác hiện trường;

- Tài liệu, số liệu đầu vào: Các hồ sơ thu thập được, bản đồ, hình ảnh, video hiện trạng khu vực nghiên cứu của dự án; Báo cáo kết quả khảo sát (thuyết minh, bản vẽ); Nhật ký khảo sát, sổ đo đạc; Bảng diễn giải và thống kê tổng khối lượng thực hiện...

- Tập hợp các văn bản pháp lý, biên bản làm việc, hồ sơ thỏa thuận và văn bản thỏa thuận với các Cấp Chính quyền địa phương cùng các tài liệu hiện trường và nội nghiệp khác có liên quan đến nhiệm vụ được giao có liên quan đến dự án;

- Hồ sơ Báo cáo NCKT bao gồm thuyết minh; bản vẽ; sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn, xác định sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội và đánh giá tác động của dự án...

- Thời gian thực hiện khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và lập mô hình thông tin công trình: 90 ngày (dự kiến thời gian triển khai: Quý IV năm 2025)

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo,... theo yêu cầu của chủ đầu tư

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí : theo yêu cầu của Chương III.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Cử cán bộ hỗ trợ nhà thầu thực hiện nhiệm vụ

- Thanh toán, quyết toán theo đúng quy định trong hợp đồng.